

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 05 tháng 3 năm 2020
“V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Nam Trung**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Thanh Hà** và ông **Ayun**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Đình Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần **Đ A**.

Địa chỉ: Số 130 Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hà Nguyễn Nam K** (Theo quyết định ủy quyền số 66/QĐ-DAB ngày 26 tháng 11 năm 2018).

Chức vụ: Nhân viên phòng phát triển kinh doanh Ngân hàng thương mại cổ phần **Đ A**, chi nhánh tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Số 01 đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: - Ông **Lê Đức C** – sinh năm: 1976.

- Bà **Trương Bích H** - sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: N4299/1 ngày 05 tháng 7 năm 2017, Ngân hàng thương mại cổ phần **Đ A** (ngân hàng) đã cho ông **Lê Đức C** và bà **Trương Bích H** vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất vay trong hạn 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Mục đích sử dụng vốn vay: đầu tư nông nghiệp. Để đảm bảo nợ vay ông **C**, bà **H** thế chấp quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 633584 do Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang cấp ngày 03/02/2016 và số BY 456060 do Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang cấp ngày 05/02/2015 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số N8238/HĐTC ngày 05 tháng 7 năm 2017, đã được văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chi nhánh huyện Mang Yang chứng nhận thế chấp ngày 06/7/2017, hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà H chỉ mới thanh toán được số tiền lãi trong hạn là 21.5000.000 đồng, còn khoản nợ gốc và nợ lãi còn lại không thanh toán cho Ngân hàng. Hiện tại ông bà còn nợ số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 05/3/2020 là 127.200.001 đồng.

Do ông Lê Đức C và bà Trương Bích H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Đức C và bà Trương Bích H phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 527.200.001 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng; tiền nợ lãi tính đến ngày 05/03/2020 là 127.200.001 đồng.

Đối với bị đơn ông Lê Đức C và bà Trương Bích H: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông bà đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết bị đơn ông Lê Đức C và bà Trương Bích H có hộ khẩu thường trú tại thôn Phú Yên, xã Hra, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai nhưng ông bà thường xuyên đi làm nên vào ban ngày ông bà ít khi có ở nhà. Tại phiên tòa ngày 17/02/2020 ông C, bà H cũng vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để ông bà đến tham gia phiên tòa nhưng ông C, bà H tiếp tục vắng mặt, do vậy không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Lê Đức C và bà Trương Bích H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 05/3/2020 là 127.200.001 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, ông C, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nếu bị đơn là ông C và bà H không trả được nợ hoặc không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Đức C và bà Trương Bích H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 28/12/2018, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Đức C và bà Trương Bích H thanh toán số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 26/11/2018 là 46.108.334 đồng. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện là đúng theo quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã Hra, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai, bị đơn là ông Lê Đức C và bà Trương Bích H có địa chỉ nơi cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn không có mặt ở nơi cư trú nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bị đơn, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết những văn bản tố tụng để tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Lê Đức C và bà Trương Bích H phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N4299/1 ngày 05 tháng 7 năm 2017. Xét hình thức và nội dung của các Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Bị đơn không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này là có thật.

[3] Xét nội dung Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N4299/1 ngày 05 tháng 7 năm 2017: số tiền vay là 400.000.000 đồng, ngày giải ngân là ngày 06/7/2017, lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 15,75%/năm (bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn). Thời hạn vay 12 tháng đến ngày 06/7/2018 là hết hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông C, bà H đã trả được số tiền lãi trong hạn là 21.500.000 đồng, ngoài ra không trả bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào khác. Do ông C, bà H vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc và nợ lãi đã thỏa thuận nên đến ngày 07/7/2018 Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn là phù hợp. Tiền lãi trong hạn (từ ngày 06/7/2017 đến ngày 06/7/2018) của nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/năm là 42.583.334 đồng, ông C bà H đã trả 21.500.000 đồng, nên Ngân hàng yêu cầu số tiền lãi trong hạn là 21.083.334 đồng là phù hợp. Tiền lãi quá hạn của nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi suất 15,75%/năm (từ ngày 07/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05/3/2020) là 106.116.667 đồng là phù hợp. Tổng cộng tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (05/3/2020) là 127.200.001 đồng. Như vậy Ngân hàng yêu cầu ông C và bà H phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/3/2020 là 127.200.001 đồng, tổng cộng là 527.200.001 đồng (*Năm trăm hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn không trăm lẻ một đồng*) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể, vì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên

nếu ông Lê Đức C và bà Trương Bích H chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/3/2020) cho đến khi thi hành án xong ông C và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa các bên đã ký kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số N8238/HĐTC ngày 05/07/2017 giữa ông C, bà H và Ngân hàng là hợp pháp, nội dung thỏa thuận phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể, bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng (527.200.001 đồng) là: **25.088.000** đồng (*Hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 27, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng khoản 3 Điều 40; khoản 1 Điều 299; khoản 6 Điều 320; Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 90, 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2018; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A.

Buộc ông Lê Đức C và bà Trương Bích H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 05/3/2020 là: **527.200.001** đồng (*Năm trăm hai mươi bảy triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là **400.000.000** đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) và

tiền nợ lãi tính đến ngày 05/3/2020 là **127.200.001** đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng*) theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N4299/1 ngày 05 tháng 07 năm 2017. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/3/2020) cho đến khi thi hành xong, ông Lê Đức C và bà Trương Bích H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N4299/1 ngày 05 tháng 07 năm 2017.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Lê Đức C và bà Trương Bích H không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số N8238/HĐTC ngày 05 tháng 07 năm 2017.

Trong quá trình xử lý tài sản thế chấp nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên liên quan có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc ông Lê Đức C và bà Trương Bích H phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **25.088.000** đồng (*Hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: **10.922.000** đồng (*Mười triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000831 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2020), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Các đương sự;
- THADS huyện Mang Yang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Nam Trung